

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vĩnh Phúc, ngày tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 1 THÁNG
(Từ ngày 16 tháng 7 đến ngày 15 tháng 8 năm 2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tháng trời nắng nóng, có mưa rào rải rác và dông kèm gió giật mạnh. Tổng lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 76,4 mm (thấp hơn CKNT).

Nhiệt độ trung bình 30,3⁰C (thấp hơn CKNT), cao nhất 38⁰C, thấp nhất 22⁰C;

Âm độ trung bình 75 - 85% (xấp xỉ CKNT);

Tổng số giờ nắng tháng đạt 245 - 263 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ mùa 2021 là: 31.437,3 ha, trong đó:

- Lúa mùa: 23.801,9 ha (làm đòng - trổ - chắc xanh).

- Ngô: 1.631,5 ha (thâm râu - chắc hạt).

- Đậu tương: 144,4 ha (quả non).

- Lạc: 413,9 ha (đâm tia - củ non).

- Khoai lang: 152,6 ha (phát triển thân lá - củ).

- Rau: 2.538,9 ha (các giai đoạn).

- Cây khác: 2.754,1 ha (các giai đoạn).

Nhận xét: Thời tiết trong tháng nắng nóng, mưa rào rải rác, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Sâu, bệnh phát sinh, phát triển gây hại nhẹ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TỪ NGÀY 16/7 - 15/8/2021

1. Trên cây lúa

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, mật độ phổ biến 2 - 3 con/m², cao 10 - 12 con/m², cục bộ 25 - 30 con/m² (Tam Đảo, Tam Dương).

- Sâu đục thân 2 chấm gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 1 - 3%, cục bộ 7 - 10% (Sông Lô, Tam Đảo, Phúc Yên).

- Rầy nâu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 10 - 15 con/m², cao 50 - 70 con/m², cục bộ 400 con/m² (Sông Lô).
- Bệnh thối thân gây hại cục bộ, tỷ lệ đánh hại cục bộ 3 - 5% (Phúc Yên).
- Bệnh vàng lá sinh lý gây hại cục bộ, tỷ lệ khóm hại phổ biến 0,3 - 0,5%, nơi cao 5 - 7%, cục bộ 15 - 20% (Tam Đảo).
- Bệnh khô vằn gây hại rải rác tỷ lệ đánh hại phổ biến 4 - 6%, cao 20 - 30%, cục bộ >40% (Phúc Yên).
- Bệnh bạc lá gây hại rải rác, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 8 - 10%, cục bộ 20 - 30% (Bình Xuyên, Sông Lô, Vĩnh Yên).
- Đốm sọc vi khuẩn gây hại rải rác tỷ lệ lá hại phổ biến 0,6 - 1%, cao 10 - 15%, cục bộ 25 - 30% (Yên Lạc, Bình Xuyên, Vĩnh Yên)
- Chuột gây hại rải rác, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,5 - 0,7%, cao từ 3 - 5%, cục bộ >10% (Phúc Yên, Yên Lạc).

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại nhẹ ngô vụ hè thu giai đoạn cây con. Mật độ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 1 - 2 con/m² (Yên Lạc, Vĩnh Tường).
- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 3 - 5 con/m² (Phúc Yên).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Sâu đục cuống quả vải, bọ xít gây hại nhẹ.
- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

4. Diện tích nhiễm sâu bệnh

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh, chuột hại trong tháng: 759,8 ha (thấp hơn CKNT). Trong đó diện tích nhiễm nhẹ 693,8 ha (thấp hơn CKNT), diện tích nhiễm trung bình 64,0 ha (thấp hơn CKNT), diện tích nhiễm nặng 2,0 ha (cao hơn CKNT). Diện tích được phòng trừ 13.600,0 ha (cao hơn CKNT), trong đó diện tích phòng trừ chuột tập trung đợt 2: 12.996,0 ha.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TỪ NGÀY 16/7 - 15/8/2021

1. Trên lúa Mùa sớm

- Sâu đục thân: Sâu đục thân 2 chấm lúa 4 sâu non tiếp tục gây đánh héo, bông bạc đến đầu tháng 9. Tỷ lệ đánh hại phổ biến 1- 3 %, nơi cao 5 -10 %, cục bộ > 10% nếu không kịp thời chỉ đạo phòng chống.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Dự báo trưởng thành lứa 6 ra rộ từ giữa đến cuối tháng 8, sâu non ra rộ cuối tháng 8 sang giữa tháng 9. Mật độ phổ biến 3 - 5 con/m², nơi cao 10 - 15 con/m², cá biệt có diện tích > 20 con/m².

- Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn có khả năng phát sinh trên giống nhiễm, lúa tốt, xanh thừa đạm và những vùng thường xuyên bị bệnh ở những vụ trước, vùng đất trũng, nhất là sau các trận mưa to, gió lớn.

Ngoài ra, rầy nâu - rầy lưng trắng, bọ trĩ, châu chấu, sâu keo, chuột phát sinh và gia tăng gây hại cục bộ.

2. Trên cây rau, màu

- Trên cây ngô: Chuột, sâu cắn lá hại rải rác, sâu keo mùa thu gia tăng gây hại mạnh nếu không được phòng trừ kịp thời.

- Trên rau họ thập tự: Sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy tiếp tục gây hại rải rác; bệnh thối nhũn, bệnh sương mai gây hại cục bộ.

Ngoài ra, sâu đục quả, rệp hại đậu trạch; Bọ trĩ, bệnh phấn trắng hại cục bộ trên cây bí đỏ, bí xanh. Sâu xanh, bệnh khô lá, bệnh thối gốc hành hại cục bộ.

4. Trên cây ăn quả: Nhện lông nhung, bọ xít, bệnh sương mai tiếp tục gây hại cục bộ cây nhãn, vải.

5. Trên cây lâm nghiệp: Sâu róm, sâu ăn lá tiếp tục hại nhẹ thông, keo.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế), trạm Khuyến nông trên địa bàn theo dõi tình hình sinh vật gây hại trên đồng ruộng để có biện pháp phòng chống kịp thời.

2. Đảm bảo nước tưới và chăm sóc tốt cây rau, màu. Khi có sinh vật gây hại đến ngưỡng cần khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc để phun phòng chống đảm bảo thời gian cách ly khi phun thuốc BVTV và an toàn cho người sử dụng, ít ảnh hưởng đến môi trường.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tích cực áp dụng các biện pháp IPM, SRI, VietGAP để cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và sinh vật gây hại, đây là tiền đề cho năng suất cao.

4. Thực hiện thường xuyên các biện pháp thủ công: Ngắt ổ trứng sâu đục thân, bắt sâu non các loại sâu, bắt ốc bươu vàng, bẫy bắt chuột để hạn chế chúng gia tăng mật độ lây lan ra diện rộng. Sử dụng bẫy màu vàng diệt bọ phấn, bọ trĩ; Bẫy bả chua ngọt diệt trưởng thành sâu khoang, sâu xám trên cây rau, màu nhằm hạn chế sâu bệnh phát sinh gây hại cây trồng.

5. Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 1 tháng từ ngày 16/7 - 15/8/2021, Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Trung tâm BVTV phía Bắc;
- UBND các huyện, thành, thị ;
- Trung tâm TTNT&PTNT;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Kèm theo Thông báo số /TB-CCTT&BVTV, ngày /8/2021 của Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Trên lúa mùa sớm	Làm đòng - trỗ - chắc xanh	Sâu cuốn lá nhỏ	Con/m ²	16,7	30		107	105	2			+12	110	Rải rác
		Sâu đục thân 2 chấm	%DH	6,7			98	98				+31	177	Rải rác
		Bệnh nghệt rễ, vàng lá sinh lý	% KH	14,6			1,1	1,1				-7,4	1	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	13,6	27,5	50	351	310	39	2		-86	300	Rải rác
		Đóm sọc VK	%LH	16,7	30		9,3	7,3	2			-109,3	9	Rải rác
		Bạc lá	%LH	18,8			6,3	6,3				+5,6	7	Rải rác
		Bệnh thối thân	%DH	5,2			0,1	0,1				+0,1	0,1	Cục bộ
		Chuột	%CH	6,1	9,4		187	166	21			+38	12.996	Rải rác
Tổng DT nhiễm SB						759,8	693,8	64	2			13.600		

Ghi chú: GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS. Đặng Thị Lương.